

QUYẾT ĐỊNH

V/v: Phê duyệt và ban hành “Quy chế giảng viên cơ hữu”

**HỘI ĐỒNG TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Căn cứ Quyết định số 2157/QĐ-TTg ngày 25/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Dầu khí Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 187/QĐ-DKVN ngày 19/01/2011 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc phê duyệt và ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Dầu khí Việt Nam;

Căn cứ Nghị quyết số 541/NQ-ĐHDK ngày 05/6/2017 của Hội đồng Trường về việc thông qua Quy chế giảng viên cơ hữu;

Xét đề nghị của Hiệu trưởng Trường Đại học Dầu khí Việt Nam tại Tờ trình số 538/TTr-ĐHDK ngày 02/6 /2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt và ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế giảng viên cơ hữu”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ năm học 2016-2017. Mọi quy định trước đây trái với Quy chế này đều bị bãi bỏ.

Điều 3. Hiệu trưởng, Trưởng các đơn vị thuộc Trường Đại học Dầu khí Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- HĐT, BGH (e-copy);
- Lưu: VT, ĐT.



Lê Quang Trường

Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 06 tháng 6 năm 2017

QUY CHẾ GIẢNG VIÊN CƠ HỮU

(Ban hành theo Quyết định số 545/QĐ-ĐHDK ngày tháng năm 2017
của Hội đồng Trường Đại học Dầu khí Việt Nam)

Chương I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng điều chỉnh

Quy chế này quy định chế độ làm việc đối với giảng viên cơ hữu giảng dạy tại Trường Đại học Dầu khí Việt Nam (sau đây gọi tắt là Trường hay PVU), bao gồm: tiêu chuẩn, nhiệm vụ và quyền lợi của giảng viên hay cán bộ giảng dạy (GV/CBGD); định mức thời gian làm việc; giờ chuẩn giảng dạy; quản lý, sử dụng và áp dụng thời gian làm việc đối với giảng viên

Điều 2. Phạm vi áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với cán bộ của PVU làm công tác giảng dạy (sau đây gọi chung là giảng viên hay cán bộ giảng dạy).

Điều 3. Giảng viên kiêm nhiệm cán bộ quản lý

Đối với những giảng viên được bổ nhiệm giữ chức vụ lãnh đạo hoặc kiêm nhiệm các công tác quản lý, Đảng, đoàn thể mà vẫn giữ ngạch giảng viên có nghĩa vụ trực tiếp giảng dạy theo khung định mức giờ chuẩn được ghi ở Điều 15 của văn bản này và phải sinh hoạt học thuật tại Bộ môn. Khi các giảng viên không còn giữ chức vụ lãnh đạo hoặc kiêm nhiệm các công tác quản lý, Đảng, đoàn thể thì được bố trí công tác về đơn vị cũ, người đứng đầu đơn vị có trách nhiệm tiếp nhận và phân công công tác cho các giảng viên này.

Chương II. TIÊU CHUẨN CỦA GIẢNG VIÊN CƠ HỮU

Điều 4. Tiêu chuẩn chung của giảng viên cơ hữu

Giảng viên cơ hữu tham gia công tác đào tạo tại PVU là người làm công tác giảng dạy đáp ứng được các tiêu chí chất lượng:

1. Ký hợp đồng lao động làm công tác giảng dạy thời hạn không xác định hoặc có thời hạn xác định;
2. Có trình độ đại học trở lên; Có kinh nghiệm, phương pháp giảng dạy tốt;
3. Có kiến thức chuyên sâu và khả năng NCKH;
4. Đáp ứng các yêu cầu của môi trường sư phạm;
5. Có định hướng và thái độ làm việc gắn liền với sứ mệnh, tầm nhìn, mục tiêu và lợi ích của PVU;
6. Có khả năng áp dụng các phương pháp giảng dạy tiên tiến.

Ngoài các quy định về tiêu chí chất lượng, giảng viên tham gia giảng dạy tại PVU phải đáp ứng được các quy định về trình độ tiếng Anh:

- Đối với giảng viên làm công tác giảng dạy (chức danh Giảng viên/Cán bộ giảng dạy trở lên) bắt buộc có chứng chỉ IELTS 6.0 hoặc tương đương trở lên, hoặc đã tốt nghiệp, giảng dạy tại các nước phát triển mà ở đó tiếng Anh là ngôn ngữ chính thức.
- Đối với giảng viên tiếng Anh, yêu cầu có chứng chỉ IELTS 7.5 (IELTS 7.0 đối với chức danh trợ giảng) hoặc tương đương trở lên, hoặc là giảng viên tiếng Anh tại các nước phát triển mà ở đó tiếng Anh được dùng là ngôn ngữ chính thức.

Hội đồng tuyển dụng sẽ kiểm tra trình độ giảng dạy của giảng viên bằng tiếng Anh thông qua hình thức dạy thử và dự giờ giảng viên (trường hợp đặc biệt và chưa có chứng chỉ tiếng Anh theo yêu cầu trên).

Hàng năm (sau khi được công nhận đạt chức danh từ Giảng viên), phải có ít nhất 01 bài báo Quốc tế (Phân loại của HĐ Quản lý Quỹ phát triển KH&CN Quốc gia) với vai trò tác giả chính (hoặc là người chịu trách nhiệm chính-Corresponding Author hoặc là GV hướng dẫn cho bài báo của sinh viên, học viên sau đại học) hoặc 02 bài báo trong nước với vai trò tác giả chính (hoặc là người chịu trách nhiệm chính-Corresponding Author hoặc là GV hướng dẫn cho bài báo của sinh viên, học viên sau đại học) hoặc chủ trì 01 đề tài NCKH cấp ngành. Trong vòng 02 năm, Giảng viên sẽ được xem xét lại chức danh nếu không đáp ứng được yêu cầu bài báo hoặc đề tài NCKH như trên.

Các chức danh khi được phân công giảng dạy thí nghiệm phải có chứng chỉ an toàn.

Điều 5. Tiêu chuẩn cụ thể của các chức danh giảng viên

1. Giáo sư, Phó Giáo sư (GS, PGS)

- Đáp ứng các tiêu chuẩn chức danh Giáo sư và Phó Giáo sư do Hội đồng chức danh Nhà nước quy định và được PVU bổ nhiệm.
- Trường Đại học Dầu khí Việt Nam thực hiện các thủ tục bổ nhiệm chức danh Giáo sư, Phó Giáo sư cho các ứng viên đã được Hội đồng chức danh Nhà nước công nhận đạt tiêu chuẩn theo các quy định hiện hành.
- Trường Đại học Dầu khí Việt Nam thực hiện các thủ tục miễn nhiệm chức danh Giáo sư, Phó Giáo sư theo các quy định hiện hành.

2. Chuyên gia

- Có học hàm Giáo sư, Phó Giáo sư hoặc học vị Tiến sỹ khoa học hoặc là các cán bộ đã công tác (có kinh nghiệm từ 15 năm trở lên) tại các đơn vị sản xuất kinh doanh có chuyên môn phù hợp với các chuyên ngành đang tổ chức đào tạo (các trường hợp này không xem xét các tiêu chuẩn về bài báo hay công trình nghiên cứu). Các trường hợp khác (Giảng viên/Cán bộ giảng dạy từ 15 năm trở lên,...) phải đáp ứng các yêu cầu sau:
- Đang chủ trì một hướng nghiên cứu và tập hợp được một lực lượng nghiên cứu mạnh của một chuyên ngành hoặc liên ngành; Chủ trì thực hiện thành công đề tài cấp nhà nước.

- Là tác giả chính (hoặc là người chịu trách nhiệm chính-Corresponding Author) của ít nhất 06 bài báo Quốc tế (Phân loại của HĐ Quản lý Quỹ phát triển KH&CN Quốc gia) hoặc có ít nhất 02 bằng sáng chế cấp Nhà nước;
- Chủ biên hoặc là tác giả chính của 03 giáo trình/sách chuyên khảo thuộc lĩnh vực chuyên môn được nghiệm thu hoặc chính thức xuất bản;
- Hướng dẫn chính 02 luận án tiến sĩ bảo vệ thành công;
- Ứng dụng tin học và có thể sử dụng tiếng Anh trong giảng dạy, chuyên môn và giao tiếp.

3. Giảng viên cao cấp (GVCC)

- Đáp ứng các tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên cao cấp theo các quy định hiện hành. Ngoài ra phải đảm bảo các tiêu chuẩn riêng như sau:
- Sử dụng thành thạo tiếng Anh và tin học trong chuyên môn và giảng dạy;
- Được Hội đồng chức danh của PVU đánh giá đạt yêu cầu (theo quy định riêng).

4. Giảng viên chính (GVC)

- Đáp ứng các tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên chính theo các quy định hiện hành. Ngoài ra phải đảm bảo các tiêu chuẩn riêng như sau:
- Có học vị Tiến sĩ trở lên;
- Đủ năng lực chuyên môn, có năng lực NCKH, nắm vững phương pháp giảng dạy tiên tiến, sử dụng tốt các trang thiết bị hiện đại phục vụ giảng dạy, có tâm huyết và ý thức trách nhiệm cao với công việc;
- Sử dụng thành thạo tiếng Anh và tin học trong chuyên môn và giảng dạy;
- Được Hội đồng chức danh của PVU đánh giá đạt yêu cầu (theo quy định riêng).

5. Giảng viên/Cán bộ giảng dạy (GV/CBGD)

- Đáp ứng các tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên theo các quy định hiện hành. Ngoài ra phải đảm bảo các tiêu chuẩn riêng như sau:
- Có học vị Tiến sĩ trở lên (đã hết thời hạn tập sự). Có học vị Thạc sĩ trở lên (đối với GV/CBGD Ngoại ngữ);
- Đủ năng lực chuyên môn, có năng lực NCKH, nắm vững phương pháp giảng dạy tiên tiến, sử dụng tốt các trang thiết bị hiện đại phục vụ giảng dạy, có tâm huyết và ý thức trách nhiệm cao với công việc;
- Sử dụng thành thạo tiếng Anh trong chuyên môn và giảng dạy;
- Có ít nhất 3 bài báo khoa học được đăng trên các tạp chí khoa học có uy tín; có đề án hoặc công trình sáng tạo được cấp khoa hoặc trường công nhận và được áp dụng có kết quả trong chuyên môn;
- Được Hội đồng chức danh PVU đánh giá đạt yêu cầu thông qua các buổi giảng thử.

6. Trợ giảng

- Có học vị thạc sĩ trở lên (có thể bằng cử nhân trở lên đối với trợ giảng ngoại ngữ) phù hợp với vị trí việc làm và chuyên ngành giảng dạy (bằng tốt nghiệp đại học chính quy phải từ loại khá trở lên ở các trường đại học có uy tín trong và ngoài nước);
- Các Tiến sĩ đã được Hội đồng tuyển dụng trường thông qua và ký hợp đồng, đang trong quá trình tập sự;

- Có năng lực chuyên môn, có năng lực NCKH, nắm vững phương pháp giảng dạy tiên tiến, sử dụng tốt các trang thiết bị hiện đại phục vụ giảng dạy, có tâm huyết và ý thức trách nhiệm cao với công việc;
- Sử dụng thành thạo tiếng Anh trong chuyên môn và giảng dạy; Có chứng chỉ IELTS 5.5 trở lên hoặc tương đương;
- Có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm.

7. Cán bộ hướng dẫn thí nghiệm, thực hành

Cán bộ được phân công làm nhiệm vụ giảng dạy, hướng dẫn thực hành, thực tập bao gồm:

- Tốt nghiệp đại học trở lên phù hợp với vị trí việc làm và chuyên ngành giảng dạy hoặc đã tham gia hướng dẫn thực hành, thực tập từ các trường đại học uy tín trong nước và quốc tế;
- Có kinh nghiệm làm việc hướng dẫn tại các phòng thí nghiệm, thực hành các môn học được phân công;
- Sử dụng thành thạo tiếng Anh trong chuyên môn và giảng dạy; Có chứng chỉ IELTS 5.0 trở lên hoặc tương đương;
- Có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm.

Chương III. NGHĨA VỤ VÀ QUYỀN LỢI CỦA GIẢNG VIÊN CƠ HỮU

Điều 6. Giảng dạy

- Nắm vững mục tiêu giảng dạy, nội dung, chương trình, phương pháp giáo dục đại học, quy chế thi, kiểm tra, đánh giá, vị trí và yêu cầu của ngành học, môn học đảm nhiệm;
- Xây dựng kế hoạch giảng dạy, đề cương môn học, bài giảng và thiết kế học liệu cần thiết phục vụ cho giảng dạy; Giảng bài, phụ đạo và hướng dẫn kỹ năng học tập, nghiên cứu, tiến hành thí nghiệm, thực hành, thảo luận khoa học, thực tập nghề nghiệp;
- Hướng dẫn, hỗ trợ sinh viên thực tập, xây dựng đề cương và làm đồ án, khóa luận tốt nghiệp đại học;
- Hướng dẫn học viên viết luận văn thạc sĩ, hướng dẫn nghiên cứu sinh viết chuyên đề và luận án tiến sĩ (đối với giảng viên có bằng Tiến sĩ);
- Thực hiện quá trình đánh giá kết quả học tập của người học;
- Tham gia giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức cho sinh viên, giúp sinh viên phát huy vai trò chủ động trong học tập và rèn luyện; hướng dẫn sinh viên thực hiện tốt mục tiêu đào tạo, nhiệm vụ chính trị của PVU cũng như của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN);
- Hướng dẫn sinh viên tham gia đánh giá hoạt động giảng dạy, thường xuyên cập nhật thông tin từ người học để xử lý, bổ sung, hoàn chỉnh phương pháp, nội dung, kế hoạch giảng dạy nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo, đáp ứng yêu cầu của PVN cũng như của xã hội;
- Dự giờ và tham gia đánh giá hoạt động giảng dạy của giảng viên khác;
- Tham gia xây dựng và phát triển ngành học, CTĐT, cải tiến nội dung, phương pháp giảng dạy, nghiên cứu và thực hành môn học;
- Biên soạn giáo trình, sách chuyên khảo và tài liệu tham khảo phục vụ công tác đào tạo, bồi dưỡng nghiên cứu được xuất bản trong nước hoặc ngoài nước;
- Tham gia xây dựng và vận hành các cơ sở thí nghiệm và thực hành.

Điều 7. NCKH và chuyển giao công nghệ

- Chủ trì hoặc tham gia thực hiện các chương trình, đề án, dự án, đề tài NCKH, phát triển công nghệ trong và ngoài nước;
- Công bố kết quả nghiên cứu trên các tạp chí khoa học trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật ;
- Tham gia và có báo cáo, tham luận tại các hội nghị, hội thảo khoa học thường niên ở trong và ngoài nước;
- Tham gia đóng góp và tổ chức hội thảo khoa học của Khoa, Trường, hay Tập đoàn; hướng dẫn người học NCKH.
- Thực hiện các hợp đồng NCKH, chuyển giao kỹ thuật và công nghệ phục vụ sự phát triển của PVN nói riêng và của nền kinh tế, xã hội nói chung;
- Thực hiện các hoạt động tư vấn về chuyển giao công nghệ, về kỹ thuật, về kinh tế, chính trị, xã hội thuộc lĩnh vực liên quan tới chuyên môn của giảng viên;
- Tổ chức và tham gia các hoạt động hợp tác quốc tế về NCKH và công nghệ;
- Tham gia các cuộc thi sáng tạo, sáng chế, phát minh và các hoạt động khác về khoa học và công nghệ;
- Thâm nhập thực tiễn, phổ biến kiến thức khoa học, phục vụ đời sống.

Điều 8. Học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ

- Học tập, bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuẩn đã được đào tạo theo quy định đối với giảng viên, phù hợp với ngành đào tạo và trình độ đào tạo được phân công đảm nhiệm;
- Học tập, bồi dưỡng theo tiêu chuẩn nghiệp vụ của giảng viên và theo chương trình quy định cho từng đối tượng khi nâng ngạch, chuyển ngạch, bổ nhiệm vào các chức danh của giảng viên;
- Học tập, bồi dưỡng, cập nhật thường xuyên kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ, phương pháp giảng dạy;
- Tham gia các đợt thực tế và khóa bồi dưỡng nghề nghiệp tại các đơn vị của PVN;
- Tham gia các khóa bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, bồi dưỡng phương pháp giảng dạy hiện đại tại nước ngoài.

Điều 9. Các hoạt động khác

- Tham gia công tác tuyển sinh của Trường;
- Tham gia xây dựng, triển khai và giám sát việc thực hiện kế hoạch giảng dạy, học tập, NCKH và công nghệ;
- Đánh giá kết quả học tập, NCKH và chất lượng chính trị tư tưởng của sinh viên; tham gia quá trình đánh giá và kiểm định chất lượng CTĐT; cải tiến và đề xuất những biện pháp nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng của PVU;
- Tham gia các công tác quản lý khoa học và công nghệ, công tác quản lý đào tạo khác khi được cấp có thẩm quyền giao;
- Tham gia các công tác kiêm nhiệm, như: chủ nhiệm lớp-cố vấn học tập, chỉ đạo thực tập, phụ trách phòng thí nghiệm, lãnh đạo chuyên môn và đào tạo, công tác Đảng, đoàn thể, công tác quản lý ở bộ môn, khoa, phòng, ban, trung tâm thuộc Trường;
- Đối với trường hợp giảng viên cơ hữu, muốn tham gia các hoạt động nghề nghiệp ở các đơn vị, tổ chức khác phải có sự chấp thuận của PVU.

Điều 10. Xác định nhiệm vụ cụ thể cho các chức danh giảng viên

Nhiệm vụ của giảng viên quy định tại các Điều 6, 7 và 8 của Quy chế này được xác định cụ thể như sau:

- Đối với trợ giảng: Có nhiệm vụ hỗ trợ, đảm nhiệm một phần hay toàn bộ công tác giảng dạy môn học.
- Đối với giảng viên/cán bộ giảng dạy: Đảm nhiệm việc giảng dạy trình độ đại học thuộc một ngành đào tạo; tham gia giảng dạy một hoặc một số môn học, chuyên đề đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ; NCKH và chuyển giao công nghệ, với nhiệm vụ cụ thể là:
 - Giảng dạy đáp ứng yêu cầu phần chương trình, nội dung môn học theo kế hoạch đã được duyệt; chấm thi tốt nghiệp đại học; hướng dẫn và đánh giá, chấm đồ án, khóa luận tốt nghiệp đại học;
 - Giảng viên có bằng tiến sĩ tham gia giảng dạy một hoặc một số môn học, chuyên đề đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ; tham gia hướng dẫn học viên viết luận văn thạc sĩ, hướng dẫn nghiên cứu sinh viết chuyên đề, luận án tiến sĩ, phản biện và chấm luận văn thạc sĩ, chuyên đề và luận án tiến sĩ;
 - Biên soạn tài liệu tham khảo môn học được phân công đảm nhiệm;
 - Chủ trì hoặc tham gia thực hiện các đề tài, dự án, các nhiệm vụ khoa học và công nghệ khác. Giảng viên có bằng tiến sĩ có trách nhiệm định hướng nghiên cứu, tổ chức tập hợp các giảng viên và người học tham gia NCKH, chuyển giao công nghệ;
 - Làm chủ nhiệm lớp-cổ vấn học tập; chỉ đạo, hướng dẫn thực hành, thực tập và tham gia các công tác quản lý đào tạo khác;
 - Thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường về chuyên môn và nghiệp vụ.
- Đối với phó giáo sư và giảng viên chính: đảm nhiệm vai trò chủ chốt trong giảng dạy các trình độ cao đẳng, đại học, thạc sĩ, tiến sĩ; chuyên trách giảng dạy về một chuyên ngành đào tạo, NCKH và chuyển giao công nghệ, với nhiệm vụ cụ thể là:
 - Giảng dạy có chất lượng cao phần nội dung, chương trình chính của ngành đào tạo cao đẳng, đại học theo kế hoạch đã được duyệt; chủ trì hướng dẫn, chấm đồ án, khóa luận tốt nghiệp đại học, chấm thi tốt nghiệp cao đẳng, đại học;
 - Giảng dạy một hoặc một số môn học, chuyên đề đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ; chủ trì hoặc tham gia hướng dẫn học viên viết luận văn thạc sĩ, hướng dẫn nghiên cứu sinh viết chuyên đề, luận án tiến sĩ; phản biện và chấm luận văn thạc sĩ, chuyên đề và luận án tiến sĩ;
 - Tham gia bồi dưỡng giảng viên theo yêu cầu phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của bộ môn hoặc chuyên ngành;
 - Chủ trì hoặc tham gia xây dựng mục tiêu, kế hoạch, nội dung CTĐT, bồi dưỡng; đề xuất định hướng phát triển chuyên ngành và bộ môn;
 - Chủ trì hoặc tham gia biên soạn giáo trình môn học, sách chuyên khảo, tài liệu tham khảo phục vụ giảng dạy, học tập;
 - Chủ trì hoặc tham gia thực hiện các đề tài, dự án và các nhiệm vụ khoa học và công nghệ khác; định hướng nghiên cứu, tổ chức tập hợp giảng viên và người học tham gia NCKH, chuyển giao công nghệ; tham gia và trình bày các báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo khoa học trong và ngoài nước;
 - Làm chủ nhiệm lớp-cổ vấn học tập, phụ trách phòng thí nghiệm, tham gia lãnh đạo chuyên môn và đào tạo, tham gia công tác quản lý ở bộ môn, khoa, phòng,

- ban thuộc cơ sở giáo dục đại học; tham gia công tác quản lý khoa học và công nghệ, công tác quản lý đào tạo khác;
- Thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của cơ sở giáo dục đại học về chuyên môn và nghiệp vụ.
 - Đối với giáo sư, các chuyên gia và giảng viên cao cấp: đảm nhiệm vai trò chủ trì, chỉ đạo và tổ chức thực hiện công tác giảng dạy các trình độ cao đẳng, đại học, thạc sĩ, tiến sĩ; chuyên trách giảng dạy về một chuyên ngành đào tạo, NCKH và chuyển giao công nghệ, với nhiệm vụ cụ thể là:
 - Giảng dạy có chất lượng cao phần nội dung, chương trình chính của ngành đào tạo cao đẳng, đại học theo đúng kế hoạch đã được duyệt ở bộ môn; giảng dạy một số môn học, chuyên đề chính của chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ và giáo trình mới;
 - Hướng dẫn học viên viết luận văn thạc sĩ, hướng dẫn nghiên cứu sinh viết chuyên đề, luận án tiến sĩ; phản biện và chấm luận văn thạc sĩ, chuyên đề và luận án tiến sĩ;
 - Chủ trì hoặc tham gia thiết kế, xây dựng, hoàn thiện mục tiêu, kế hoạch, CTĐT ở các trình độ cao đẳng, đại học, thạc sĩ, tiến sĩ và đề xuất các chủ trương, phương hướng và biện pháp phát triển của ngành, chuyên ngành;
 - Bồi dưỡng đội ngũ giảng viên theo yêu cầu phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của bộ môn hoặc chuyên ngành;
 - Chủ trì biên soạn giáo trình, sách chuyên khảo và tài liệu tham khảo của bộ môn và ngành học phục vụ giảng dạy, học tập;
 - Tổng kết, đánh giá kết quả giảng dạy, đào tạo theo ngành, chuyên ngành; chủ động đề xuất cải tiến mục tiêu, nội dung, CTĐT phù hợp với yêu cầu thực tế;
 - Chủ trì hoặc tham gia tổ chức thực hiện, đánh giá các chương trình, đề tài, dự án NCKH và công nghệ các cấp;
 - Định hướng nghiên cứu, tập hợp tổ chức giảng viên và người học cùng tham gia NCKH, chuyển giao công nghệ;
 - Xây dựng, tham gia nghiệm thu và công bố các báo cáo khoa học, các công trình nghiên cứu, trao đổi kinh nghiệm đóng góp vào sự phát triển của bộ môn, của chuyên ngành ở trong và ngoài nước;
 - Tham gia lãnh đạo chuyên môn và đào tạo, tham gia công tác quản lý ở bộ môn, khoa, phòng, ban... thuộc cơ sở giáo dục đại học; tham gia công tác quản lý khoa học và công nghệ, công tác quản lý đào tạo khác;
 - Thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của cơ sở giáo dục đại học về chuyên môn và nghiệp vụ.

Điều 11. Chế độ làm việc và đãi ngộ

Giảng viên cơ hữu được hưởng định mức thời gian làm việc và giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, của PVN và của PVU.

Được trang bị/sử dụng cơ sở vật chất đáp ứng đầy đủ công tác giảng dạy và NCKH theo Quy chế thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao do Tập đoàn ban hành.

Được hưởng tất cả chế độ đãi ngộ của giảng viên theo chính sách của PVN (nếu có).

Chương IV. ĐỊNH MỨC THỜI GIAN LÀM VIỆC, GIỜ CHUẨN GIẢNG DẠY, GIỜ CHUẨN NCKH CỦA GIẢNG VIÊN CƠ HỮU

Điều 12. Định mức thời gian làm việc

1. Thời gian làm việc của giảng viên theo chế độ tuần làm việc 40 giờ và được xác định theo năm học. Tổng quỹ thời gian làm việc của giảng viên bình quân trong 01 năm học là 1.760 giờ (đã trừ số ngày nghỉ hè, nghỉ học kỳ và nghỉ lễ tết theo quy định).
2. Tổng quỹ thời gian này được phân chia theo chức danh giảng viên và cho từng nhiệm vụ cụ thể sau:

Nhiệm vụ	Giảng viên	Phó giáo sư và giảng viên chính	Giáo sư và giảng viên cao cấp
Giảng dạy	900 giờ	900 giờ	900 giờ
NCKH	600 giờ	700 giờ	800 giờ
Hoạt động chuyên môn và các nhiệm vụ khác	260 giờ	160 giờ	60 giờ

Điều 13. Giờ chuẩn/tiết chuẩn giảng dạy và giờ chuẩn/tiết chuẩn NCKH

1. Giờ chuẩn giảng dạy là đơn vị thời gian quy đổi từ số giờ lao động cần thiết để hoàn thành một khối lượng công việc nhất định thuộc nhiệm vụ giảng dạy của giảng viên tương đương với việc thực hiện một tiết lý thuyết trực tiếp trên lớp, bao gồm thời gian lao động cần thiết trước, trong và sau tiết giảng.
2. Giờ chuẩn NCKH (viết tắt là NCKH) là đơn vị thời gian quy đổi từ số giờ lao động cần thiết để hoàn thành một khối lượng công việc nhất định thuộc nhiệm vụ NCKH của giảng viên.
3. Hiệu trưởng quy định cụ thể việc quy đổi ra giờ chuẩn đối với những thời gian cần thiết để thực hiện các công việc thuộc nhiệm vụ giảng dạy của giảng viên cơ hữu theo quy định của Bộ GD&ĐT và PVN;
4. Nhiệm vụ giảng dạy và NCKH nào có mức độ khó khăn, phức tạp nhiều hơn thì được giao cho những giảng viên có năng lực, uy tín và thành tích NCKH hoặc chức danh cao hơn đảm nhiệm; nhiệm vụ nào có khối lượng công việc lớn hơn, đòi hỏi trình độ và cường độ lao động cao hơn thì được tính số giờ nhiều hơn.

Điều 14. Định mức giờ chuẩn/tiết chuẩn giảng dạy, NCKH và việc quy đổi ra giờ chuẩn/tiết chuẩn

1. Định mức giờ chuẩn/tiết chuẩn

- Khung định mức giờ chuẩn giảng dạy, giờ chuẩn NCKH của giảng viên để thực hiện các nhiệm vụ cụ thể tại Chương IV của văn bản này được quy định như sau:

Chức danh	Định mức	
	Giờ giảng (giờ chuẩn)	Giờ NCKH (giờ chuẩn)
Trợ giảng	135	75

Trợ giảng (Tiền sỹ)	180	100
GV/CBGD	270	150
GVC	270	175
PGS	270	185
GS, GVCC	270	200
CBHD thí nghiệm, thực hành	450	-
Giảng dạy các môn GDTC, QPAN, NN và LLCT		
- GV/CBGD	370	70
- PGS và GVC	370	95

- Giờ chuẩn trực tiếp lên lớp chiếm ít nhất 50% của giờ giảng chuẩn.
- Trong từng năm học, mỗi giảng viên phải hoàn thành nhiệm vụ NCKH được giao tương ứng với ngạch, chức danh hoặc vị trí công tác đang đảm nhiệm và quỹ thời gian quy định tại văn bản này.
- Đối với những giảng viên không hoàn thành nhiệm vụ NCKH thủ trưởng đơn vị tùy theo mức độ, hoàn cảnh cụ thể để xem xét khi đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ trong năm học, xếp loại lao động và giải quyết các chế độ, chính sách liên quan. Đồng thời sẽ quy đổi thành giờ chuẩn để giảm trừ vào số giờ giảng dạy vượt định mức giờ chuẩn khi thanh toán dạy thêm giờ.
- Hiệu trưởng sẽ quy định cụ thể việc quy đổi thời gian làm nhiệm vụ NCKH ra giờ chuẩn giảng dạy để áp dụng trong trường hợp bất khả kháng cho những giảng viên không thực hiện nhiệm vụ NCKH thì phải chuyển sang giảng dạy trực tiếp trên lớp hoặc ngược lại.

2. Quy đổi giờ chuẩn/tiết chuẩn

Quy đổi giờ chuẩn: 04 giờ NCKH = 01 giờ chuẩn (giảng dạy). Các hoạt động đã được trả kinh phí trực tiếp sẽ không được tính quy đổi ra giờ chuẩn/tiết chuẩn.

Nhóm Công việc	Công việc cụ thể	Giờ chuẩn
CÔNG TÁC GIẢNG DẠY VÀ LIÊN QUAN	Thiết kế, xây dựng CTĐT đại học <i>Biên soạn bằng tiếng Anh tính hệ số 1.5</i> - Chủ trì - Thành viên	50 10
	Thiết kế, xây dựng ĐCCT đại học <i>Biên soạn bằng tiếng Anh tính hệ số 1.5</i>	03/ĐCCT (01/ĐCCT nếu hiệu chỉnh ĐCCT cũ)
	Thiết kế hoàn chỉnh CTĐT cao học	Nhân hệ số 1.3 của CTĐT đại học
	Thiết kế hoàn chỉnh CTĐT và chuyên đề nghiên cứu sinh	Nhân hệ số 1.5 của CTĐT đại học

Biên soạn BGĐT mức 1(đã được thẩm định và cho phép giảng dạy chính thức) <i>Biên soạn bằng tiếng Anh tính hệ số 1.5</i>	25/tín chỉ
Hội đồng nghiệm thu BGĐT mức 1 <ul style="list-style-type: none"> • Chủ tịch hội đồng • Thư ký • Các phản biện (bao gồm đọc, viết nhận xét phản biện, dự phiên bảo vệ) • Các ủy viên hội đồng 	03/HĐ 02/HĐ 03/HĐ 02/HĐ
1 tiết lý thuyết ĐH (tất cả các hệ)	1.1(hệ số)
<ul style="list-style-type: none"> • Môn ĐC &CSKT <ul style="list-style-type: none"> • Trên 40 sinh viên • Trên 100 sinh viên • Trên 150 sinh viên 	1.2 1.3 1.4
<ul style="list-style-type: none"> • Môn cơ sở ngành và chuyên ngành 	1(hệ số)
<ul style="list-style-type: none"> • Trên 40 sinh viên 	1.2
<ul style="list-style-type: none"> • Trên 60 sinh viên 	1.4
<i>Giảng dạy bằng tiếng Anh tính hệ số 1.5</i>	
1 tiết lý thuyết cao học và NCS	1.5 và 2 (hệ số)
1 tiết hướng dẫn bài tập/thực hành/thảo luận/thí nghiệm trên lớp	0.5 (hệ số)
Hướng dẫn thực tập, TTTN ngoài trường (bao gồm chấm báo cáo TT)	Số SV*số TC
1 ngày hướng dẫn thực địa	4/nhóm SV
Giảng dạy kèm cặp các đội dự thi chuyên môn	45/đoàn
Công tác thi bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> • Ra đề <ul style="list-style-type: none"> - Ra đề (nếu chưa có bộ NHCHTNKQ) - Ra đề (các hình thức khác) • Coi thi <ul style="list-style-type: none"> - Coi thi TNKQ - Coi thi (Thi tự luận và tương đương) • Chấm thi (kể cả phúc khảo) <ul style="list-style-type: none"> - Chấm thi tự luận - Chấm thi vấn đáp 	01/TC (Lớp trên 100SV được tính hệ số 1.2) 0.5/đề 1.0/ca thi 1.0/ca thi 0.25/bài thi 0.25/SV

	Hướng dẫn luận văn, đồ án tốt nghiệp ĐH	20/đồ án/luận văn
	Hướng dẫn luận văn Thạc sĩ (trong 1 năm)	50/luận văn (hướng dẫn chính tính 30/luận văn)
	Hướng dẫn luận văn Tiến sĩ	90/năm (hướng dẫn chính tính 60/năm/luận văn)
	Hướng dẫn chuyên đề, đồ án môn học, môn thi tốt nghiệp	06/ĐAMH/CĐ/MT (nhân hệ số 1.5 và 2.0 nếu 02 SV/ĐA và 03SV trở lên/ĐA)
CHĂM LUẬN VĂN VÀ ĐỒ ÁN (tính số tiết quy đổi trong trường hợp không được thanh toán trực tiếp)	Hội đồng chăm luận văn và đồ án tốt nghiệp Đại học (đồ án môn học-ĐAMH)	Tiết/ĐA
	<ul style="list-style-type: none"> • Chủ tịch hội đồng • Thư ký • Các phản biện (bao gồm đọc, viết nhận xét phản biện, có thể không dự phiên bảo vệ) • Các ủy viên hội đồng 	2 (1/ĐAMH) 1(0.5/ĐAMH) 2(1/ĐAMH) 1(0.5/ĐAMH)
	Hội đồng chăm đề cương luận văn cao học	4/ĐC/thành viên (áp dụng cho cả CT,TK và UV)
	Hội đồng chăm luận văn cao học	Tiết/HĐ
	<ul style="list-style-type: none"> • Chủ tịch hội đồng • Thư ký • Các phản biện (bao gồm đọc, viết nhận xét phản biện, dự phiên bảo vệ) • Các ủy viên hội đồng 	5 3 5 2
	Hội đồng chăm chuyên đề tiến sĩ	4/ĐC/thành viên (áp dụng cho cả CT,TK và UV)
	Hội đồng chăm luận văn Tiến sĩ cấp cơ sở	
<ul style="list-style-type: none"> • Chủ tịch hội đồng • Thư ký • Các phản biện (bao gồm đọc, viết nhận xét phản biện, dự phiên bảo vệ) • Các ủy viên hội đồng 	8 4 8 4	
Hội đồng chăm luận văn Tiến sĩ cấp nhà nước		
<ul style="list-style-type: none"> • Chủ tịch hội đồng • Thư ký • Các phản biện (bao gồm đọc, viết nhận xét phản biện, dự phiên bảo vệ) 	12 6 12	

	<ul style="list-style-type: none"> • Các ủy viên hội đồng 	6
	Các Hội đồng chấm đề cương, bảo vệ luận văn thạc sỹ, chuyên đề tiến sỹ, luận án tiến sỹ các cấp...của hệ đào tạo theo phương châm lấy thu bù chi	<ul style="list-style-type: none"> - Không tính giờ chuẩn định mức - Chi kinh phí trực tiếp theo tình hình tài chính của khóa học (trên cơ sở cân đối và quy đổi ra giờ chuẩn phù hợp với kinh phí)
CÔNG TÁC NGHIÊN CỨU KHOA HỌC	Thực hiện đề tài (báo cáo nghiệm thu):	
	- Cấp nhà nước, được tính trong 3 năm theo hợp đồng	100/năm/đề tài ¹
	- Cấp Tập đoàn/Bộ-tỉnh-TP, được tính trong 2 năm theo hợp đồng	
	<ul style="list-style-type: none"> • Đề tài trọng điểm cấp Tập đoàn/Bộ 	100/năm/đề tài ¹
	<ul style="list-style-type: none"> • Đề tài cấp Tập đoàn/Bộ 	80/năm/đề tài ¹
	<ul style="list-style-type: none"> • Đề tài tương đương cấp Tập đoàn/Bộ 	70/năm/đề tài ¹
	- Cấp cơ sở và tương đương, được tính theo 1 năm hợp đồng	50/năm/đề tài ¹
	- Hội đồng nghiệm thu các đề tài NCKH: <ul style="list-style-type: none"> • Chủ tịch hội đồng và các phản biện (bao gồm đọc, viết nhận xét phản biện, dự phiên họp): <ul style="list-style-type: none"> - Cấp nhà nước - Cấp Tập đoàn/Bộ - Cấp cơ sở • Các ủy viên hội đồng: • Thư ký 	06/đề tài 05/đề tài 04/ đề tài (01/đề tài SV) 02/ đề tài (0.5/đề tài SV) 03/ đề tài (0.5/đề tài SV)
- Hội đồng tuyển chọn đề tài NCKH: <ul style="list-style-type: none"> • Chủ tịch hội đồng và các phản biện (bao gồm đọc, viết nhận xét phản biện, dự phiên họp) : <ul style="list-style-type: none"> - Cấp nhà nước - Cấp Tập đoàn/Bộ - Cấp cơ sở • Các ủy viên hội đồng: • Thư ký 	03/đề tài 02/đề tài 01/ đề tài (0.5/đề tài SV) 0.5/ đề tài (0.5/đề tài SV) 0.5/đề tài (0.5/đề tài SV)	

¹ Chủ nhiệm đề tài tự quyết định số giờ cho mỗi thành viên trong tổng số giờ cho phép. Trễ hẹn nghiệm thu 06 tháng trừ 20% số giờ, trên 3 tháng trừ 10% số giờ.

	Bài đăng các tạp chí khoa học chuyên ngành, viết bài tham luận các hội thảo khoa học, báo cáo chuyên đề khoa học (không nằm trong yêu cầu kết quả phải có của đề tài NCKH)	
	- Bài đăng trên tạp chí ISI có uy tín (Phân loại của HĐ Quản lý Quỹ phát triển KH&CN Quốc gia)	150/ bài ²
	- Bài đăng trên tạp chí chuyên ngành quốc tế có uy tín (Phân loại của HĐ Quản lý Quỹ phát triển KH&CN Quốc gia) và nhóm khoa học xã hội (SSCI)	120/ bài ³
	- Bài đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành Quốc tế khác (Phòng KHCN xác nhận)	100/ bài ²
	- Bài đăng trên tạp chí khoa học trong nước (theo danh mục HĐCDGS Nhà nước có điểm số 1)	70/ bài ²
	- Bài đăng trên tạp chí khoa học trong nước (theo danh mục HĐCDGS Nhà nước có điểm số 0.75)	60/ bài ²
	- Bài đăng trên tạp chí khoa học trong nước (theo danh mục HĐCDGS Nhà nước có điểm số 0.5)	50/ bài ²
	- Bài đăng trên tạp chí khoa học trong nước (theo danh mục HĐCDGS Nhà nước có điểm số 0.25)	40/ bài ²
	- Bài đăng trên kỷ yếu hội nghị KHQT (được xuất bản bởi NXB QT có uy tín- Phòng KHCN xác nhận)	60/ bài ²
	- Bài đăng trên kỷ yếu hội nghị KHQT (có ISBN)	40/ bài ²
	- Bài đăng trên kỷ yếu hội nghị KH thường niên của các Hội KH	20/ bài ²
	- Bài đăng trên kỷ yếu hội nghị KH thường niên của các trường ĐH	10/ bài ²
	Hướng dẫn SV NCKH	20/ đề tài (Trễ hẹn nghiệm thu 06 tháng trừ 20% số giờ, trên 3 tháng trừ 10% số giờ)
	Phát minh sáng chế, giải pháp hữu ích (được công nhận)	150

² Số giờ tính 2/3 cho tác giả chính và 1/3 cho tác giả còn lại (có 02 tác giả); 1/2 cho tác giả chính và 1/2 còn lại chia đều cho số đồng tác giả (có 03 tác giả trở lên).

³ Số giờ tính 2/3 cho tác giả chính và 1/3 cho tác giả còn lại (có 02 tác giả); 1/2 cho tác giả chính và 1/2 còn lại chia đều cho số đồng tác giả (có 03 tác giả trở lên).

Điều 15. Định mức giờ chuẩn/tiết chuẩn giảng dạy đối với giảng viên cơ hữu kiêm nhiệm các công tác quản lý

Giảng viên được bổ nhiệm giữ chức vụ lãnh đạo hoặc kiêm nhiệm các công tác quản lý, Đảng, đoàn thể trong nhà trường có nghĩa vụ trực tiếp giảng dạy theo khung định mức dưới đây (tính theo tỷ lệ % của định mức giờ chuẩn giảng dạy cả năm của chức danh giảng viên hiện đang giữ):

Stt	GV/CBGD giữ chức vụ quản lý	Định mức
1.	Chủ tịch HĐ Trường; Hiệu trưởng	15%
2.	Phó hiệu trưởng; Thành viên HĐ Trường	20%
3.	Trưởng phòng, Giám đốc TT và tương đương:	25%
5.	Phó trưởng phòng, Phó GD TT và tương đương:	30%
6.	Trưởng khoa, phó trưởng khoa và tương đương:	
a)	Đối với khoa có 40 giảng viên trở lên hoặc có quy mô 800 người học trở lên:	
	- Trưởng khoa:	70%
	- Phó trưởng khoa:	75%
b)	Đối với khoa có dưới 40 giảng viên hoặc có quy mô dưới 800 người học:	
	- Trưởng khoa:	75%
	- Phó trưởng khoa:	80%
7.	Trưởng bộ môn:	80%
8.	Phó trưởng bộ môn, trợ lý giáo vụ khoa, GVCN/CVHT	85%
9.	Bí thư đảng ủy, Chủ tịch công đoàn (có bố trí cán bộ chuyên trách)	70%
10.	Bí thư đảng ủy, Chủ tịch công đoàn (không bố trí cán bộ chuyên trách)	50%
11.	Phó bí thư đảng ủy, Phó chủ tịch công đoàn, Trưởng ban thanh tra nhân dân, Trưởng ban nữ công, Chủ tịch hội cựu chiến binh (có bố trí cán bộ chuyên trách)	80%
12.	Phó bí thư đảng ủy, Phó chủ tịch công đoàn, Trưởng ban thanh tra nhân dân, Trưởng ban nữ công, Chủ tịch hội cựu chiến binh (không bố trí cán bộ chuyên trách)	60%
13.	Bí thư chi bộ, Chủ tịch công đoàn khoa và tương đương	85%
14.	Phó bí thư chi bộ, Phó chủ tịch công đoàn khoa và tương đương	90%

15.	Giảng viên làm công tác đoàn thanh niên, hội sinh viên, hội liên hiệp thanh niên thực hiện theo Quyết định số 13/2013/QĐ-TTg ngày 06 tháng 02 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ quy định về chế độ, chính sách đối với cán bộ Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Sinh viên Việt Nam, Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam trong các cơ sở giáo dục và cơ sở dạy nghề.
-----	--

Giảng viên/CBGD kiêm nhiệm nhiều chức vụ được áp dụng định mức giờ chuẩn thấp nhất trong số các chức vụ kiêm nhiệm. Giảng viên/CBGD, Trợ giảng nữ nghỉ sinh không phải tính định mức trong thời gian nghỉ thai sản.

Điều 16. Áp dụng định mức giờ chuẩn/tiết chuẩn

1. Giảng viên giảng dạy, NCKH, hoạt động chuyên môn khác vượt định mức giờ chuẩn và hưởng chế độ vượt định mức giờ chuẩn. Hiệu trưởng quyết định phương án chế độ đối với các giờ chuẩn vượt định mức phù hợp với tình hình thực tế của Nhà trường.
2. Tổng số giờ chuẩn/tiết chuẩn vượt định mức là số giờ chuẩn/tiết chuẩn giảng dạy quy đổi cao hơn định mức giờ giảng chuẩn ứng với chức danh đó. Tổng số giờ chuẩn/tiết chuẩn vượt định mức được thanh toán không được vượt số giờ chuẩn/tiết chuẩn định mức được quy định cho chức danh đó và giờ làm việc ngoài giờ theo quy định (200 giờ) và chỉ khi người dạy hoàn thành định mức NCKH
3. Mỗi học kỳ, Trưởng Bộ môn phải đảm bảo phân công giảng dạy, hướng dẫn đồ án, hướng dẫn thực hành, thực tập... của các bậc học cho các giảng viên/trợ giảng một cách cân đối, hợp lý phù hợp với nhiệm vụ, khả năng của mỗi người. Tránh tuyệt đối để xảy ra tình trạng chênh lệch quá lớn về khối lượng công việc liên quan đến giảng dạy, NCKH... giữa các thành viên của Bộ môn. Mỗi học kỳ, một giảng viên/trợ giảng không được giảng dạy quá 03 học phần. Số lượng đồ án mà một giảng viên/trợ giảng được phép hướng dẫn được quy định riêng.
4. Giảng viên/Trợ giảng trong năm học có khối lượng giờ giảng dạy chuẩn (đã quy đổi) không đủ định mức về giờ giảng chuẩn, nhưng có tổng số giờ chuẩn NCKH sau quy đổi vượt định mức giờ chuẩn NCKH thì có thể được sử dụng số giờ chuẩn NCKH vượt định mức bù cho giờ chuẩn giảng dạy còn thiếu so với định mức. Việc bù giờ chuẩn này chỉ có ý nghĩa xem xét đánh giá hoàn thành nhiệm vụ của Giảng viên/Trợ giảng đó, chứ không để xem xét khi tính khối lượng giờ vượt. Việc vượt giờ trong trường hợp giờ chuẩn giảng dạy bù cho giờ chuẩn định mức NCKH được tính số giờ vượt giảng dạy sau khi trừ số giờ giảng dạy được bù cho định mức NCKH.
5. Giảng viên được đi đào tạo sau đại học (có quyết định cử đi học của Tập đoàn và PVU):
 - Nghiên cứu sinh, học viên cao học ở nước ngoài: được miễn toàn bộ định mức giảng dạy và NCKH
 - Học viên cao học trong nước: được giảm 50% định mức giảng dạy, NCKH
 - Nghiên cứu sinh trong nước:
 - Dạng tập trung: được miễn 100% định mức giảng dạy, NCKH.
 - Dạng bán tập trung: được giảm 50% cho 02 năm đầu và 100% cho năm cuối.
 - GV được cử đi học sau đại học không được miễn giảm định mức giảng dạy, NCKH trong thời gian học quá hạn.

6. Giảng viên được cử đi đào tạo các dạng khác (Cao cấp LLCT, Khóa đào tạo liên tục tại nước ngoài từ trên 01 tháng...)
 - Dạng tập trung: được miễn 100% định mức giảng dạy, NCKH.
 - Dạng bán tập trung (tính cả các khóa đào tạo liên tục tại nước ngoài từ trên 01 tháng): Giảm 30% cho trường hợp tổng thời gian học trong năm học từ 3 tháng tới dưới 6 tháng; giảm 15% cho trường hợp tổng thời gian học trong năm học dưới 3 tháng và trên 01 tháng.
7. Giảng viên trong năm học được cử đi học các khóa đào tạo ngắn hạn sẽ không được tính tổng thời gian học các khóa ngắn hạn để được miễn giảm định mức.
8. Giảng viên không giữ chức vụ lãnh đạo quản lý được điều động làm việc kiêm nhiệm tại các Phòng/Ban, Trung tâm thì được xem xét giảm 50% định mức giờ chuẩn nếu có thời gian làm việc hành chính tập trung tại các Phòng/Ban, trung tâm.
9. Không đánh giá định mức đối với GV/CBGD, Trợ giảng và các chức danh làm công tác giảng dạy khác nếu có thời gian làm việc tại Trường trong năm học dưới 6 tháng (căn cứ số tháng hưởng lương). Các trường hợp tạm nghỉ do ốm đau, tai nạn... mà không thuộc phạm vi trên thì sẽ được xem xét áp dụng định mức đối với từng trường hợp cụ thể, nhưng không trái với Luật lao động.

Điều 17. Nâng ngạch giảng viên

1. Trợ giảng sau một thời gian giảng dạy sẽ được xem xét để nâng ngạch giảng viên. Trợ giảng được xem xét nâng ngạch giảng viên khi đảm bảo các tiêu chí giảng viên, đặc biệt đạt tiêu chí tiếng Anh (IELTS 6.0) và đã giảng dạy trọn vẹn 01 môn học/học phần trong một học kỳ (được đánh giá hoàn thành đạt yêu cầu)
2. Hội đồng nâng ngạch giảng viên (được thành lập theo quyết định của Hiệu trưởng) có quyền xem xét, tổ chức giảng thử và quyết định cho phép nâng ngạch cho các trợ giảng.
3. Thành phần Hội đồng xét nâng ngạch giảng viên (thông qua giảng thử) gồm:
 - Chủ tịch: Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng được ủy quyền
 - Thư ký: Trưởng phòng/Phó phòng Đào tạo
 - Thành viên: Đại diện lãnh đạo Phòng Tổ chức-Hành chính (TCHC), đại diện Khoa, Bộ môn chuyên môn (có Trợ giảng dự thi) và một số nhà khoa học có cùng chuyên môn với Trợ giảng (có thể trong hoặc ngoài trường).
4. Phòng Đào tạo tiến hành các thủ tục, như: Trình thành lập hội đồng, tổ chức thực hiện, tiến hành các thủ tục đề nghị nâng ngạch cho Trợ giảng (được hội đồng công bố đạt chuẩn). Phòng TCHC ra quyết định công nhận và tiến hành các thủ tục khác (xếp lương...)
5. Bộ môn và Khoa chuyên môn căn cứ vào chức năng và nhiệm vụ xem xét và lập danh sách đề nghị các ứng viên Trợ giảng có đủ điều kiện dự thi nâng ngạch gửi Phòng Đào tạo. Phòng Đào tạo trình xin chủ trương của Hiệu trưởng trước khi thực hiện các thủ tục như Khoản 4 trên.
6. Trong một số trường hợp đặc biệt như: Trợ giảng có bằng Thạc sỹ, Giảng viên từ các đơn vị sản xuất chuyển về (chưa có bằng Tiến sỹ, nhưng có kinh nghiệm thực tế...) vẫn có thể được Hiệu trưởng xem xét và cho phép dự thi nâng ngạch theo quy định. Đối với Cán bộ hướng dẫn thí nghiệm có thâm niên giảng dạy, có bằng Thạc sỹ trở lên, đạt chuẩn tiếng Anh đối với chức danh Trợ giảng... Hiệu trưởng xem xét và cho phép dự thi nâng ngạch Trợ giảng (nếu cần thiết và thủ tục như đối với nâng ngạch giảng viên).

Chương V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 18. Khen thưởng

Các đơn vị, cá nhân thực hiện tốt Quy chế này và có nhiều thành tích đóng góp cho công tác đào tạo được khen thưởng theo các quy định hiện hành của Nhà nước, PVN và của PVU.

Điều 19. Xử lý vi phạm

Các đơn vị, cá nhân vi phạm các điều khoản trong quyết định này, tùy theo tính chất và mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo các quy định hiện hành của Nhà nước, PVN và của PVU.

Điều 20. Hiệu lực thi hành

Quy chế này được áp dụng cho tất cả các giảng viên cơ hữu của PVU bắt đầu từ năm học 2016-2017.

Việc điều chỉnh, bổ sung Quy chế này do Hội đồng Trường Đại học Dầu khí Việt Nam quyết định./.



Lê Quang Trường